TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 6 năm 2024
" V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhiên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Vũ Minh Đón - Nguyên Bí thư Đoàn xã H.
Ông Nguyễn Văn Thanh - Cán bộ hưu trí xã Y.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Y.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số: 15/2024/QĐST-HPT ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm: 1991; Có mặt
HKTT: Thôn X, xã T, huyện Y, tỉnh H.
Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh H.
- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Đ, sinh năm: 1990; Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện Y, tỉnh H.
- *Người làm chứng:*
1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1961; Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện Y, tỉnh H;
2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1971; Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 05 tháng 03 năm 2024, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày: Chị và anh Trần Văn Đ tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh H ngày 27 tháng 12 năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do chuyện tiền bạc

trong việc mua xe ô tô, không thống nhất về làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, vợ chồng không có con chung mặc dù đã đi chữa trị, anh Đ còn có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến chị H, tháng 10 năm 2021 chị về nhà bố mẹ đẻ sống, anh Đ và gia đình không quan tâm, liên lạc hay có trách nhiệm gì đến chị. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng chưa có con chung, chị không có thai nghén gì.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung, và các vấn đề khác.

Bị đơn anh Trần Văn Đ thống nhất với lời khai của chị H về thời gian đăng ký kết hôn và trình bày: Quá trình vợ chồng chung sống một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn do anh đi làm công ty thường xuyên phải tăng ca, đi sớm về muộn nên vợ chồng không thể chăm sóc, chia sẻ được với nhau nhiều chuyện, vợ chồng chung sống lâu mà không có con nên sinh ra tình cảm nhạt nhẽo, không quan tâm đến nhau, chị H có xin về nhà bố mẹ đẻ sống một thời gian nhưng sau đó không quay về sống với anh. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh nhất trí ly hôn với chị H, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng chưa có con chung.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung, và các vấn đề khác.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H1, mẹ chị H trình bày: Việc kết hôn, chung sống, mâu thuẫn và ly thân của chị H và anh Trần Văn Đ như chị H trình bày, chị H về sống tại gia đình bà từ năm 2021 đến nay không thấy anh Đ đến tìm hay liên lạc bảo chị H về chung sống. Nay chị H xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh Đ để ổn định cuộc sống. Chị H và anh Đ chưa có con chung, chị H và anh Đ không có công sức đóng góp, kinh tế gì liên quan đến gia đình bà.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị T, mẹ anh Đ trình bày: Việc kết hôn, chung sống, mâu thuẫn và ly thân của chị H và anh Trần Văn Đ như chị H và anh Đ trình bày. Nay chị H và anh Đ đều đề nghị được ly hôn nhau, bà nhất trí. Chị H và anh Đ chưa có con chung, chị H và anh Đ không có công sức đóng góp, kinh tế gì liên quan đến gia đình bà. Do anh Đ đi làm không thể nghỉ việc được nên bà nhận trách nhiệm nhận các văn bản tố tụng của Toà án và cam kết giao cho anh Đ.

Uỷ ban nhân dân xã T cung cấp: Anh Trần Văn Đ và chị Trần Thị Thu H kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Quá trình chung sống, thời gian gần đây không thấy chị H sống với anh Đ, còn cụ thể thế nào địa phương không nắm được, anh chị chưa có con chung.

Tại phiên tòa:

Chị H đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ. Về con chung, tài sản, nghĩa vụ chung và các vấn đề khác chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chủ toạ phiên toà công bố lời khai của anh Đ vắng mặt tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh H phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ ký vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và các đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Thu H, cho chị H được ly hôn anh Trần Văn Đ. Về con, tài sản, nghĩa vụ chung và các vấn đề khác không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bầy của các đương sự, và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Văn Đ đều có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Y, tỉnh H nên Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn và người làm chứng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho các đương sự hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Văn Đ kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh H vào ngày 27 tháng 12 năm 2013 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh Đ xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là vợ chồng không có con và đã ly thân nhau từ năm 2021 đến nay, trong thời gian ly thân không quan tâm gì đến nhau, cuộc sống của ai biết người đó, chị H xin ly hôn, anh Đ cũng nhất trí ly hôn, do vậy HĐXX thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H và anh Đ ly hôn nhau là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung, và các vấn đề khác: Chị Trần Thị Thu H và anh Trần Văn Đ đều không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147; các Điều 228, 229, 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H.

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thu H ly hôn anh Trần Văn Đ.

2. Con chung, tài sản, nghĩa vụ chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.

3. Án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001474 ngày 05 tháng 03 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ; chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Trần Văn Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thị Nhiên

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Y;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã T;*
- *VKSND tỉnh H;*
- *Chi cục THADS huyện Y;*
- *Lưu: VT, hồ sơ.*